

Số: 60 /BC-BQLQ

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả triển khai và thực hiện thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019; Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

Thực hiện Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa năm 2019,

Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh) báo cáo kết quả triển khai và thực hiện thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai (*gọi tắt là Quỹ*) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019; Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN THU, CHI QUỸ NĂM 2019

1. Kết quả triển khai:

1.1. Về tham mưu, tổ chức thực hiện

- Tổng hợp kế hoạch thu Quỹ năm 2019 từ các đơn vị, địa phương, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2019 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 13/5/2019), với tổng kế hoạch thu là **70.988,8 triệu đồng**, trong đó: UBND các huyện, thị xã, thành phố là 28.954,5 triệu đồng; cơ quan ban, ngành cấp tỉnh là 1.051,4 triệu đồng; lực lượng vũ trang là 712,3 triệu đồng; doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý là 40.270,6 triệu đồng.

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản thông báo, đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện thu, nộp Quỹ năm 2019 theo quy định; đề nghị UBND tỉnh có văn bản đơn đốc triển khai thu, nộp Quỹ (Công văn số 12068/UBND-NN ngày 11/9/2019); đồng thời, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh giải đáp các kiến nghị, vướng mắc về công tác thu, nộp Quỹ trên địa bàn tỉnh; triển khai các nội dung về xử phạt hành chính về đóng góp Quỹ theo Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

- Trực tiếp đơn đốc, hướng dẫn các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai và hoàn thành kế hoạch thu, nộp Quỹ năm 2019 theo Quyết định 1753/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Về tuyên truyền, phổ biến và công khai Quỹ

** Về công tác tuyên truyền:*

- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ Phát thanh Truyền hình và Tổ chức sự kiện (Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh): Biên tập, xây dựng và phát sóng trên truyền hình các nội dung tuyên truyền về triển khai, thực hiện Kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2019 (22 lần); biên tập, sản xuất các thông điệp truyền thông phát sóng trên Đài Phát thanh của 27 huyện, thị xã, thành phố (03 thông điệp); xây dựng các phóng sự truyền hình về hiệu quả hỗ trợ từ nguồn Quỹ PCTT (03 phóng sự).

- Phối hợp với Báo Thanh Hóa biên tập, đăng tải các bài tuyên truyền về Quỹ Phòng, chống thiên tai (04 bài).

* *Công khai Quỹ*: Kết quả thu, nộp Quỹ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ <http://thanhhoafdfund.gov.vn> và của Sở Nông nghiệp và PTNT tại địa chỉ: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>; tập huấn cho cán bộ phụ trách thu Quỹ của 27 huyện, thị xã, thành phố về lập kế hoạch thu Quỹ trên phần mềm trực tuyến được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Thông qua công tác tuyên truyền, công khai Quỹ đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong việc xã hội hóa công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời minh bạch về kết quả thu, chi Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Tham mưu miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định, cụ thể: Miễn đóng góp Quỹ đối với giá trị tài sản hiện có của Công ty TNHH MTV Sông Chu, với số tiền là 100 triệu đồng (Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 23/7/2019); đề nghị xem xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ đối với Công ty Cổ phần xây lắp Điện và Công ty Cổ phần quản lý kinh doanh điện với số tiền là 109,8 triệu đồng (Công văn số 4562/SNN&PTNT-BQLQ ngày 21/11/2019). Nội dung miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp chủ yếu là những doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kết quả thu, nộp Quỹ

Lũy kế thu, nộp Quỹ về tài khoản Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh từ khi thành lập Quỹ (năm 2016) đến nay được là **104.448,5 triệu đồng**, trong đó thu, nộp Quỹ năm 2019 là **29.852,4 triệu đồng**, đạt 42,05% kế hoạch; cụ thể theo từng đối tượng thu, nộp như sau:

- **Các sở, ban, ngành, cơ quan tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa**: 1.381,7 triệu đồng, đạt 131% kế hoạch.

- **UBND các huyện, thị xã, thành phố**: 21.555,7 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch.

- **Lực lượng vũ trang**: 762,2 triệu đồng, đạt 107% kế hoạch.

- **Doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý**: 4.105,6 triệu đồng, đạt 10% kế hoạch.

- **Các đơn vị thuộc huyện thu, nộp trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh**: 513,4 triệu đồng.

- **Truy thu theo kế hoạch năm 2018**: 233,8 triệu đồng.

- Các đơn vị ủng hộ, tài trợ trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh: 1.300 triệu đồng (Trong đó: Hội nghệ sỹ Thanh Hóa tại Hà Nội: 500 triệu đồng; Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam và Công ty cổ phần Xi măng Bim Sơn: 500 triệu đồng; Tổng Công ty Đầu tư & Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): 300 triệu đồng).

(Chi tiết kết quả thu, nộp năm 2019 tại các phụ biểu kèm theo)

3. Kế hoạch chi, kết quả giải ngân và số dư tài khoản

3.1 Kế hoạch chi

Từ năm 2017 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 11 Quyết định phân bổ vốn cho các địa phương, đơn vị để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai là **86.850,4 triệu đồng**, trong đó năm 2019 là 33.000,0 triệu đồng (tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2020).

3.2. Kết quả giải ngân

Căn cứ hồ sơ dự toán, quyết toán của các đơn vị, địa phương, lũy kế đến nay Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh đã giải ngân, thanh toán cho các địa phương, đơn vị, với số tiền là **46.934 triệu đồng** (năm 2019 là 17.323,1 triệu đồng). Số kinh phí còn lại, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh sẽ tiếp tục giải ngân, thanh toán sau khi các địa phương, đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thanh quyết toán theo quy định.

3.3. Số dư tài khoản

Tính đến ngày 28/02/2020, theo xác nhận số dư tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tại Kho bạc Nhà nước tỉnh là **56.177,2 triệu đồng** (chưa bao gồm 1.321,8 triệu đồng của huyện Nông Cống, do mới nộp ngày 03/3/2020).

Hiện tại, số tiền còn lại chưa có kế hoạch chi là 17.801,5 triệu đồng (Bao gồm số tiền 203,4 triệu đồng của Chi cục Biển và Hải đảo nộp lại sau quyết toán).

(Có xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh kèm theo)

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về tổ chức, vận hành quản lý Quỹ:

Mặc dù Nghị định 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ ra đời đã mang lại những hiệu quả to lớn, tích cực, song trong quá trình triển khai thực hiện đã bộc lộ những khó khăn, bất cập như:

- Chế độ chi và nguồn kinh phí để chi cho hoạt động quản lý hành chính của cơ quan quản lý tại cấp tỉnh và cơ quan được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ thực hiện công tác thu, nộp Quỹ trên địa bàn chưa được quy định;

- Với bản chất là nguồn thu xã hội hoá, nhưng chưa có cơ chế khuyến khích công tác thu, do đó chưa tạo ra động lực, chưa gắn được vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý Thuế trong việc quản lý, đôn đốc thu, nộp Quỹ, đặc biệt là đối với các tổ chức hạch toán độc lập (các doanh nghiệp).

2. Về công tác thu Quỹ:

- Năm 2019, là năm bị ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, lũ lụt trên địa bàn một số huyện, do đó đã gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế của người dân, doanh nghiệp, dẫn đến việc thực hiện thu, nộp Quỹ đạt thấp so với kế hoạch;

- Một số huyện, thị xã, thành phố chưa thật sự quyết liệt trong công tác thu, nộp Quỹ; Công tác thông tin, tuyên truyền còn hạn chế, dẫn đến kết quả thu, nộp chưa đạt kế hoạch và còn chậm so với thời gian quy định;

- Việc thu, nộp Quỹ tại các doanh nghiệp theo giá trị tài sản và người lao động trong các gặp rất nhiều khó khăn, do việc chấp hành các quy định của pháp luật về đóng góp Quỹ của người đứng đầu doanh nghiệp chưa thực sự nghiêm túc;

- Nghị định 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ chưa quy định cụ thể về thời gian làm việc tối thiểu của lao động trong doanh nghiệp; trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ đối với các doanh nghiệp...

3. Về công tác chi Quỹ:

Nghị định 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ chưa quy định cụ thể về trích nguồn thu từ Quỹ cho cấp huyện, xã để triển khai các hoạt động phòng, ngừa, ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; chưa có quy định về cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ; chưa có hướng dẫn về mẫu phiếu thu, mẫu kế hoạch thu chi, biểu mẫu báo cáo tài chính thống nhất chung...

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

1. Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số về Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ PCTT tỉnh Thanh Hóa theo Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thu, chi Quỹ năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo quy định; Triển khai công tác thu Quỹ ngay trong tháng 5/2020. Phấn đấu thu Quỹ PCTT đạt mức cao nhất trong năm 2020.

3. Tăng cường công tác truyền thông, báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện thu, nộp Quỹ.

4. Thực hiện giải ngân, thanh toán, kịp thời phân bổ hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị, địa phương, để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí của các địa phương, đơn vị theo quy định.

5. Thực hiện công khai kết quả thu, chi Quỹ PCTT theo quy định.

6. Hoàn thiện bộ máy tổ chức làm công tác quản lý Quỹ; tăng cường đầu mối với các bộ, ngành Trung ương, các các tổ chức, cá nhân để vận động, thu hút các nguồn viện trợ, tài trợ, về Quỹ để phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

7. Nghiên cứu, đề xuất xử phạt vi phạm hành chính về đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 và những năm tiếp theo, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh kính đề nghị:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, báo cáo và đề nghị UBND tỉnh:

- Tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành quán triệt, nghiêm túc thực hiện việc đóng góp Quỹ trong phạm vi quản lý; đồng thời, thực hiện việc theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong việc tổ chức thu, nộp Quỹ của địa phương, đơn vị theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Có văn bản chỉ đạo, quán triệt đến các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh (các doanh nghiệp) nghiêm túc việc thực hiện đóng góp Quỹ theo quy định; đồng thời, có biện pháp xử lý nghiêm đối với những doanh nghiệp cố tình trốn tránh, trì hoãn trách nhiệm đóng góp Quỹ.

2. Tổng cục Phòng, chống thiên tai (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo TW về PCTT), báo cáo cơ quan có thẩm quyền:

- Hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn thu, chi Quỹ PCTT tại các cấp;

- Quy định cụ thể về số tiền (20%) được để lại ở mỗi cấp phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; về nội dung chi phí hành chính phát sinh tại các cấp (3%); về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT, đặc biệt đối với các doanh nghiệp theo Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo PCTT&TKCN tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>;
- Website: <http://thanhhoafdfund.gov.vn>;
- Lưu: VT, BQLQ (2).

GIÁM ĐỐC



Lê Công Cường

Mẫu số: 05- ĐCSDTK/KBNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4377/QĐ-KBNN
ngày 15/9/2017 của TGD KBNN)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KBNN

Tháng 02 năm 2020

Tên đơn vị: Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá

Mã ĐVQHNS: 9083324

Địa chỉ giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Tài khoản số: 3761.0.9083324. 91049 Cấp Mã CTMT, DA và HTCT: 91049,00000,92008

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Đơn vị: đồng Nguyên nhân
Số dư đầu kỳ	55,268,444,613	55.268.444.613	0	
Phát sinh tăng trong kỳ	908,835,900	908.835.900	-	
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	56,177,280,513	56.127.280.513		

....., ngày...5...tháng...7...năm 2020

....., ngày...03...tháng...03...năm 2020

Xác nhận của Kho bạc Nhà nước

Đơn vị sử dụng ngân sách

Kiểm soát

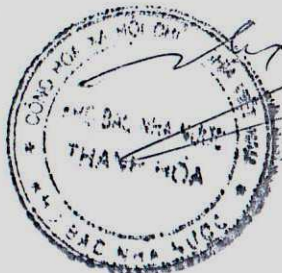
Giám đốc⁽¹⁾

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Phương

GIÁM ĐỐC
Lê Công Cường



Phụ lục:
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỈNH THANH HÓA, NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số: **60** /BC-BQLQ ngày **19** /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ,
phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch thu theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	Kết quả thu, nộp	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cơ quan Đảng; Các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	1.051.433.306	1.381.759.537	131	Phụ biểu 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố	28.954.514.094	21.555.683.026	74	Phụ biểu 02
III	Lực lượng vũ trang	712.300.000	762.194.000	107	Phụ biểu 03
IV	Thu của doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý	40.270.608.000	4.105.607.602	10	Phụ biểu 04
V	Đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ		513.391.200		Phụ biểu 05
VI	Truy thu năm 2018		233.787.595		Phụ biểu 06
VII	Đơn vị ủng hộ, tài trợ		1.300.000.000		Phụ biểu 07
TỔNG CỘNG:		70.988.855.400	29.852.422.960	42.05	

Phụ biểu 01:



KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ KHỎI CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH, NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 60 /BC-BQLQ ngày 19 /3/2020 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền đóng góp về Quỹ PCTT cấp tỉnh (Tính đến ngày 28/02/2020)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	CƠ QUAN ĐẢNG; SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH	960.758.024	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	14.753.000	
2	Văn phòng UBND tỉnh	24.363.000	
3	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh	2.990.000	
4	Văn phòng HĐND tỉnh	8.900.000	
5	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	10.722.000	
6	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	6.000.000	
7	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	7.464.000	
8	Ban Nội chính Tỉnh ủy	5.700.000	
9	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	3.200.000	
10	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	10.240.000	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	35.446.000	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	26.550.000	
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	53.386.000	
14	Sở Tư pháp	8.625.000	
15	Sở Công thương	27.658.000	
16	Sở Xây dựng	12.194.000	
17	Sở Giao thông vận tải	14.446.000	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	30.634.000	
19	Sở Nội vụ	16.802.799	
20	Sở Y tế	491.165.762	
21	Sở Khoa học và Công nghệ	15.924.000	
22	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12.000.000	
23	Sở Thông tin và Truyền thông	11.455.000	
24	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	96.542.463	
25	Sở Ngoại vụ	5.467.000	
26	Ban Dân tộc	5.770.000	
27	Ban Tôn giáo tỉnh Thanh Hoá	2.360.000	
II	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI	44.776.000	
1	Liên đoàn Lao động tỉnh	13.654.000	
2	UB MTTQ tỉnh	8.500.000	
4	Hội Nông dân tỉnh	7.800.000	
5	BCH Liên hiệp hội phụ nữ tỉnh	5.505.000	
6	Hội Cựu chiến binh tỉnh	3.520.000	

7	Hội Chữ thập đỏ	2.867.000	
8	Hội Luật gia	1.400.000	
9	Hội Nhà báo	1.360.000	
10	Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá	170.000	
II	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	228.459.794	
1	Tòa án nhân dân tỉnh	12.051.000	
2	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	19.875.000	
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	13.859.000	
5	Cục Quản lý thị trường tỉnh	19.500.000	
6	Cục Thống kê tỉnh	18.670.000	
7	Cục Thuế tỉnh	46.919.800	
8	Cục Hải Quan tỉnh	10.000.000	
9	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	6.951.625	
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh	25.902.369	
11	Cảng vụ Hàng Hải tỉnh	9.731.000	
12	Kho 661, Cục xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	45.000.000	
III	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH	147.765.719	
1	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	48.060.319	
2	Báo Thanh Hóa	9.336.000	
3	Viện quy hoạch kiến trúc Thanh Hoá	27.231.000	
4	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch	34.942.400	
5	Trường Cao đẳng Y tế	5.000.000	
6	Trường Cao đẳng nghề CN	16.000.000	
7	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	4.000.000	
8	Trung tâm Dịch vụ PTTH và Tổ chức sự kiện	3.196.000	
TỔNG CỘNG		1.381.759.537	

Phụ biểu 02:



KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ, NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: **60** /BC-BQLQ ngày **19** /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Thành phố Thanh Hóa	3.783.100.919	3.018.446.608	80	
2	Thị xã Bỉm Sơn	326.375.065	234.630.202	72	
3	Thành phố Sầm Sơn	629.232.750	526.866.000	84	
4	Huyện Vĩnh Lộc	770.339.500	604.286.750	78	
5	Huyện Nông Cống	1.694.946.980	1.321.836.105	78	
6	Huyện Thiệu Hóa	1.000.027.579	878.813.830	88	
7	Huyện Triệu Sơn	1.395.875.449	1.000.161.000	72	
8	Huyện Yên Định	1.467.169.000	954.644.642	65	
9	Huyện Thọ Xuân	1.611.431.000	1.049.198.750	65	
10	Huyện Hà Trung	1.081.136.000	759.649.200	70	
11	Huyện Đông Sơn	387.841.000	229.861.250	59	
12	Huyện Tĩnh Gia	3.285.280.000	1.321.108.695	40	
13	Huyện Quảng Xương	987.929.000	900.000.000	91	
14	Huyện Hoằng Hóa	1.645.123.096	1.451.422.081	88	
15	Huyện Hậu Lộc	1.340.201.004	1.080.610.000	81	
16	Huyện Nga Sơn	1.088.401.000	1.038.891.200	95	
17	Huyện Như Thanh	619.711.250	482.170.750	78	
18	Huyện Thạch Thành	1.098.372.000	1.120.518.400	102	
19	Huyện Cẩm Thủy	811.194.000	748.468.500	92	
20	Huyện Ngọc Lặc	973.560.000	610.982.262	63	
21	Huyện Như Xuân	559.517.000	308.000.000	55	
22	Huyện Thường Xuân	517.057.007	298.162.151	58	
23	Huyện Lang Chánh	284.000.000	210.848.000	74	
24	Huyện Bá Thước	618.784.139	519.776.150	84	
25	Huyện Quan Hóa	337.844.787	323.029.000	96	
26	Huyện Quan Sơn	333.345.000	347.088.000	104	
27	Huyện Mường Lát	306.719.569	216.213.500	70	
	Tổng	28.954.514.094	21.555.683.026	74	

Phụ biểu 03:



**KẾT QUẢ THU, NỢP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ
KHÔI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 60 /BC-BQLQ ngày 19 /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Kê hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	225.000.000	225.000.000	100	
2	Công an tỉnh	300.000.000	335.000.000	112	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	187.300.000	202.194.000	108	
Tổng		712.300.000	762.194.000	107	

Phụ biểu 04



**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC ĐƠN VỊ (DOANH NGHIỆP)
DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢN LÝ, NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số: 60 /BC-BQLQ ngày 19 /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

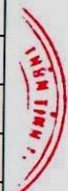
TT	Tên doanh nghiệp	Kế hoạch thu			Thực tế thu			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
1	Công ty CP giấy bao bì in báo	19.063.000	7.188.000	11.875.000	4.000.000			
2	Công ty CP seceptin và phân bón Thanh Hóa	16.948.000	5.493.000	11.455.000	14.140.100	5.493.000	8.647.100	
3	Công ty TNHH Trang Trại Eco	2.325.000	1.988.000	337.000	2.325.000	1.988.000	337.000	
4	Công ty CP Chế biến Súc sản Xuất Khẩu	4.938.000	2.804.000	2.134.000	4.938.000			
5	CDCS CN BIDV Bim Sơn	10.625.000	0	10.625.000	10.625.000			
6	Công ty CP Bao bì lam Sơn	14.896.000	4.676.000	10.220.000	4.676.000			
7	Công ty TNHH MTV Tân Thành 9	66.312.000	53.958.000	12.354.000	66.312.000	53.958.000	12.354.000	
8	Truyền tải điện Thanh Hóa	1.125.000		1.125.000	1.125.000			
9	Công ty CP Dược Phẩm Thanh Hóa	9.781.000	6.406.000	3.375.000	9.781.000	6.406.000	3.375.000	
10	Tổng Công ty CP TV XD GT Thanh Hóa	0			2.934.300	1.434.300	1.500.000	
11	Công ty CP Nước mắm Thiên Hương	3.420.000	1.062.000	2.358.000	2.858.000	1.062.000	1.796.000	
12	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	135.513.000	76.215.000	59.298.000	135.513.000	76.215.000	59.298.000	
13	Công ty CP Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	40.941.000	24.881.000	16.060.000	40.941.000	24.881.000	16.060.000	
14	NHNN và PTNT CN tỉnh	0			73.324.935		73.324.935	
15	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	126.070.000	74.195.000	51.875.000	126.070.000	74.195.000	51.875.000	
16	Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa	194.625.000	100.000.000	94.625.000	195.104.000	100.000.000	95.104.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Kế hoạch thu			Thực tế thu			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
17	Công ty CP Bia Hà Nội- Thanh Hóa	45.658.000	22.908.000	22.750.000	57.623.000			
18	NHNN và PTNT CN Nam Thanh Hóa	0			42.545.744			
19	Công ty CP Bê Tông Thương Phẩm Thanh Hóa	4.915.000	3.040.000	1.875.000	4.915.000	3.040.000	1.875.000	
20	Công ty Đấu giá hợp danh Thanh Hóa	1.375.000	500.000	875.000	1.375.000			
21	Công ty TNHH KH Vina	93.201.000	15.451.000	77.750.000	15.451.000	15.451.000		
22	Chi nhánh Công ty TNHH may thuê giày An Phước tại Thanh Hóa	0			800.000	500.000	300.000	
23	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa	9.081.000	3.956.000	5.125.000	9.081.000	3.956.000	5.125.000	
24	Công ty CP Dạ Lan	66.000.000	31.125.000	34.875.000	50.440.000			
25	Công ty CP Phát hành sách Thanh Hóa	13.687.000	3.687.000	10.000.000	13.687.000			
26	Công ty TNHH MTV Thành Công	28.789.000	16.164.000	12.625.000	5.000.000	3.500.000	1.500.000	
27	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 11	121.125.000		121.125.000	221.125.000			
28	Công ty TNHH MTV Sông Chu	233.250.000	100.000.000	133.250.000	114.250.000		114.250.000	
29	Công ty TNHH MTV Bò Sữa thống nhất	142.003.000	100.000.000	42.003.000	138.521.301			
30	Công ty TNHH Dịch vụ và chăn nuôi New hope Thanh Hóa	23.184.000	17.232.000	5.952.000	22.622.000	17.232.000	5.390.000	
31	Ngân hàng Sacombank thanh Hóa	0			19.875.000		19.875.000	
32	Công ty TNHH Tân Nam Phong	18.638.000	10.638.000	8.000.000	17.388.000	10.638.000	6.750.000	
33	Công ty TNHH Duyệt Cường	88.358.000	11.540.000	76.818.000	44.109.000	11.540.000	32.569.000	
34	Công ty Cp quản lý đường thủy nội địa và XD GT Thanh Hóa	47.013.000	8.763.000	38.250.000	19.029.000	1.779.000	17.250.000	
35	Doanh nghiệp tư nhân Hải Sâm	7.566.000	2.400.000	5.166.000	5.166.000			
36	Công ty TNHH dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	103.000.000	100.000.000	3.000.000	124.250.000			
37	Công ty CP phân bón lam Sơn	28.619.000	13.570.000	15.049.000	28.619.000	13.570.000	15.049.000	
38	Công ty CP Gab	40.630.000	36.812.000	3.818.000	40.630.472			

TT	Tên doanh nghiệp	Kế hoạch thu			Thực tế thu			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
39	Công ty TNHH Peci Việt Nam	0			89.986.526	59.536.526	30.450.000	
40	Agribank CN Bắc Thanh Hóa	0			42.340.516			
41	Công ty TNHH Fruit of the loom Việt Nam	258.354.000	100.000.000	158.354.000	255.883.077			
42	Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	21.456.000	9.206.000	12.250.000	8.000.000			
43	Công ty TNHH Đầu tư Nghi Sơn Việt Nam	67.605.000	45.730.000	21.875.000	4.766.652			
44	Tổng Công ty CP Xây dựng Thanh Hóa	111.875.000	100.000.000	11.875.000	61.875.000			
45	Tổng Công ty Công trình Giao thông 1 Thanh Hóa	83.304.000	71.054.000	12.250.000	30.000.000			
46	Công ty TNHH Tae il beauty	10.502.000	1.627.000	8.875.000	10.002.000	1.627.000	8.375.000	
47	Công ty TNHH TB PC và CC Thăng Long- CN Nghi Sơn	18.324.000	1.324.000	17.000.000	1.824.000			
48	Công ty Sản xuất Chế biến Nông Lâm Sản và Vật tư Nông nghiệp Phúc Thịnh	61.757.000	50.189.000	11.568.000	23.364.000	20.240.000	3.124.400	
49	Công ty CP In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa	15.500.000	11.375.000	4.125.000	15.500.000			
50	Công ty CP Xi Măng Bim Sơn	340.000.000	100.000.000	240.000.000	271.250.000	100.000.000	171.250.000	
51	Công ty CP Gạch Tuynel Trường Lâm Thanh hóa	12.500.000	3.125.000	9.375.000	12.500.000			
52	BQL rừng phòng hộ na Mèo	2.246.000		2.246.000	2.300.000			
53	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2	18.976.000	15.226.000	3.750.000	18.351.000			
54	Công ty Sunhomes laboratory Việt Nam	20.064.000	3.779.000	16.285.000	18.828.272			
55	Công ty CP Giống Gia Súc Thanh Ninh	5.605.000	3.605.000	2.000.000	5.605.000			
56	Công đoàn cơ sở NH Công Thương Bim Sơn	15.375.000		15.375.000	8.000.000			
57	Công ty CP Dụng cụ Thể Thao Delta	480.274.000	100.000.000	380.274.000	220.000.000			
58	Công ty CP Công Nông nghiệp Tiến Nông	185.250.000	100.000.000	85.250.000	59.786.000	34.486.000	25.300.000	
59	Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng KCN Thanh Hóa	6.185.000	5.685.000	500.000	8.478.000	2.978.000	5.500.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Kế hoạch thu			Thực tế thu			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
60	Công ty CP xd và Thương mại Thiên Phú Sơn	25.409.000	18.446.000	6.963.000	7.368.000		7.368.000	
61	Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	8.703.000	3.649.000	5.054.000	9.039.769			
62	Tổng Công ty CP Hàm Rồng Thanh Hóa	7.742.000	3.992.000	3.750.000	7.115.000			
63	Công ty CP ĐT giống cây trồng VN- CN Thanh Hóa	3.764.000	2.000.000	1.764.000	3.885.000			
64	Công ty TNHH Giấy Aresa Việt Nam	336.298.000	84.548.000	251.750.000	84.548.000			
65	Công ty CP Đầu tư Thương Mại Lam Sơn	39.871.000	34.621.000	5.250.000	39.871.000			
66	Công ty CP Sản xuất - thương mại và đầu tư Việt Thanh	71.111.000	3.986.000	67.125.000	34.200.000	1.700.000	32.500.000	
67	Công ty CP Mía đường Thanh Hóa	4.074.000	1.042.000	3.032.000	4.074.000			
68	Công ty CP Dược Vật Tư y tế Thanh Hóa	119.125.000	100.000.000	19.125.000	102.375.000		102.375.000	
69	Công ty Bảo Minh Thanh Hóa	2.500.000		2.500.000	2.500.000			
70	Công ty TNHH Winners Vina	753.207.000	55.102.000	698.105.000	55.102.000			
71	Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh- Công ty cổ phần	148.569.000	69.280.000	79.289.000	148.570.000	69.280.000	79.289.000	
72	Công ty TNHH Đầu tư và PT Hong fu Việt Nam	101.215.000	92.965.000	8.250.000	73.757.000	73.757.000		
73	Công ty Giống Lâm nghiệp Thanh Hóa	9.459.000	5.459.000	4.000.000	5.755.000			
74	Trường TC nghề Giao thông vận tải Thanh Hóa	48.423.000	21.298.000	27.125.000	48.423.000	21.298.000	27.125.000	
75	Công ty TNHH May Mặc xuất khẩu Appareltech Vĩnh lộc	500.546.000	42.555.000	457.991.000	42.555.000			
76	Công ty TNHH Văn Lang Yufukuya	10.863.000	9.863.000	1.000.000	2.000.000			
77	Công ty Dược Vật tư y tế Tân Hoàng	0			2.846.000			
78	Công ty CP Vicem Bao Bì Bim Sơn	70.375.000	40.000.000	30.375.000	10.000.000			
79	Công ty TNHH Đức Thành	30.475.000	27.850.000	2.625.000	15.000.000			
80	CN Công ty TNHH MTV Bò Sữa VNTT Bò Sữa Thanh Hóa	0			8.430.000		8.430.000	
81	CN Công ty TNHH MTV Bò Sữa VNTT Bò Sữa Như Thanh Thanh Hóa	0			9.778.800		9.778.800	

TT	Tên doanh nghiệp	Kế hoạch thu			Thực tế thu			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
82	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thanh Hóa	25.415.000	18.415.000	7.000.000	3.037.307			
83	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An	0			777.000			
84	BQL rừng phòng hộ Sông Lò	2.583.000		2.583.000	2.583.000		2.583.000	
85	Công ty CP tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Thanh Hóa	14.925.000	2.050.000	12.875.000	6.598.000	1.473.000	5.125.000	
86	Tổng Công ty Xây dựng Thanh Hóa- Công ty CP	111.875.000	100.000.000	11.875.000	50.000.000			
87	Công ty CP Bao bì Bim Sơn	70.375.000	40.000.000	30.375.000	5.700.000			
88	Công ty TNHH S&H Vina	1.072.838.000	98.120.000	974.718.000	98.119.848			
89	Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn	263.500.000	100.000.000	163.500.000	100.000.000			
90	Công ty TNHH Bow international	30.049.000	5.799.000	24.250.000	11.173.883	5.798.883	5.375.000	
91	Ban QLR phòng hộ Sông Chàng	56.859.000	54.501.000	2.358.000	2.430.000			
92	Công ty TNHH Đường mía Việt nam- Đà loan	132.345.000	100.000.000	32.345.000	127.838.500			
93	CN Công ty CP sữa Việt Nam- NM sữa Lam Sơn	0			20.347.600			
94	Công ty TNHH Giấy Rollsport	2.303.375.000	100.000.000	2.203.375.000	100.000.000			
Tổng		9.873.694.000			4.105.607.602			



Phụ biên 05
TỔNG HỢP THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC CẢ NHÂN, ĐƠN VỊ
THU ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP VỀ QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2019
 Kiểm tra, Báo cáo số: 60/BC-BQLQ ngày 19/3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

DVT: VN Đồng

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Số tiền đóng góp về Quỹ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Trung tâm Y tế huyện Như Xuân	15.136.300	
2	Trung tâm Y tế huyện Quảng Xương	20.181.000	
3	Bệnh viện Đa Khoa TX Bim Sơn	23.248.100	
4	Trung tâm Y tế huyện Như Thanh	15.800.000	
5	Trung tâm Y tế huyện Yên Định	5.137.000	
6	Hạt Kiểm lâm Thành phố	1.570.000	
7	Bệnh viện Đa Khoa huyện Đông Sơn	15.550.000	
8	Hạt Kiểm lâm huyện Nông Công	2.952.000	
9	Bệnh viện Đa Khoa huyện Như Xuân	15.714.000	
10	Bệnh viện Đa Khoa huyện Nga Sơn	25.624.800	
11	Bệnh viện Đa Khoa huyện Quan Hóa	12.979.000	
12	Bệnh viện Đa Khoa huyện Triệu Sơn	11.229.000	
13	Bệnh viện Đa Khoa TP Sầm Sơn	6.791.000	
14	Trung tâm Y tế huyện Đông Sơn	15.360.000	
15	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thọ Xuân	26.286.000	
16	Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc	22.326.000	
17	Bệnh viện Đa Khoa huyện Quảng Xương	10.000.000	
18	Bệnh viện Đa Khoa huyện Mường Lát	11.962.000	
19	Bệnh viện Đa Khoa huyện Ngọc Lặc	34.500.000	
20	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Lặc	21.000.000	
21	Trung tâm Y tế huyện Lang Chánh	4.500.000	
22	Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc	25.471.000	
23	Bệnh viện Đa Khoa huyện Lang Chánh	4.940.000	
24	Bệnh viện Đa Khoa huyện Quan Sơn	8.080.000	
25	Bệnh viện Đa Khoa huyện Như Thanh	12.700.000	
26	Bệnh viện Đa Khoa TP Thanh Hóa	8.660.000	
27	Trung tâm Y tế huyện Hà Trung	4.970.000	
28	Bệnh viện phục hồi chức năng Thanh Hóa	9.940.000	
29	Bệnh viện Đa Khoa huyện Như Xuân	14.452.000	
30	Bệnh viện Đa Khoa khu vực huyện Tĩnh Gia	35.032.000	
31	Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân	3.765.000	
32	Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn	23.424.000	
33	Luong Thị Thủy	6.375.000	
34	Hoàng Văn Du	24.157.000	
35	Hà Thị Gia	4.543.000	
36	Lê Thị Hương	9.036.000	
Tổng		513.391.200	

Phụ biên 06
TỔNG HỢP NƠI BỐ SỪNG THEO KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỈNH NĂM 2018 CHUYÊN SANG NĂM 2019
 (Kèm theo) Báo cáo số: 60 /BC-BQLQ ngày 19 /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa



TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	UBND huyện Nga Sơn	233.787.595	
	Tổng	233.787.595	

DVT: VN Đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hội nghề sỹ Thanh Hóa tại Hà Nội	500.000.000	
2	Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam và Công ty cổ phần Xi măng Bim Sơn	500.000.000	
3	Tổng Công ty Dầu tu & Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	300.000.000	
Tổng		1.300.000.000	

DVT: VN Đông

TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ ỨNG HỘ, TẠI TRỞ QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỈNH THANH HÓA, NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 60 /BC-BQLQ ngày 19 /3/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)



Phụ biên 07